

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 831/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Chính

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Tấn B, sinh năm 1965; cư trú tại: Tổ A, khu vực B, phường Đ, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ A, khu vực B, phường Đ, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-7-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan Tấn B trình bày: Ông và bà Hoàng Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà H không có trách nhiệm với ông và các con dẫn đến ông bà thường xảy xuyên xảy ra cãi nhau sống không có hạnh phúc nên ông bà không chung sống với nhau cho đến nay. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H theo đúng quy định.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có các con chung tên là Phan Thị Hoàng L1, sinh ngày 01/02/1992; Phan Thị Hoàng L2, sinh ngày 07/12/1993;

Phan Hoàng H, sinh ngày 09/7/2005. Hiện sức khỏe các con bình thường, các con L1 và L2 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết, nay ông đồng ý giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con khi bà H yêu cầu. Bà H còn có 01 con tên Hoàng Thị Liễu T, sinh ngày 22/8/1998, nay đã trưởng thành sức khỏe bình thường nên ông không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà thống nhất về thời gian và điều kiện sống chung như vợ chồng như ông B đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn kể từ ngày sống chung ông bà sống không hạnh phúc nên ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Đến năm 2018 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn gay gắt và thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt nên ông bà không thể duy trì cuộc sống chung. Nay ông B yêu cầu ly hôn bà đồng ý, nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn nên bà cũng đề nghị Tòa tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà với ông B theo đúng quy định.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có các con tên là Phan Thị Hoàng L1, sinh ngày 01/02/1992; Phan Thị Hoàng L2, sinh ngày 07/12/1993; Phan Hoàng H, sinh ngày 09/7/2005; Hoàng Thị Liễu T, sinh ngày 22/8/1998. Hiện sức khỏe các con bình thường, cháu L1, cháu L2 và cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm . Tại phiên tòa sơ thẩm , Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

- Không công nhận ông Phan Tấn B với bà Hoàng Thị H là vợ chồng.
- Bà Hoàng Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ A, khu vực B, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tấn B và bà Hoàng Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Đến năm 2018 ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay ông bà đề Tòa tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông bà theo đúng quy định. Do đó HĐXX căn cứ Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và các Điều 9, 14, 15, 53, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn B và bà Hoàng Thị H là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Ông B và H thống nhất các con tên là Phan Thị Hoàng L1, sinh ngày 01/02/1992; Phan Thị Hoàng L2, sinh ngày 07/12/1993; Hoàng Thị Liễu T, sinh ngày 22/8/1998 đã trưởng thành và sức khỏe bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Còn con tên Phan Hoàng H, sinh ngày 09/7/2005 có nguyện vọng được sống cùng với bà H nên ông bà thống nhất giao cháu H cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của ông bà là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản: Ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Phan Tấn B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn B và bà Hoàng Thị H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Giao con chung Phan Hoàng H, sinh ngày 09/7/2005 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông B bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Tấn B phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001713 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn. Ông B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung